

Tân Phước, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2024/TLST- Việc HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 11 năm 2024, Tòa án xác định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị M tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/02/2023 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, anh N và chị M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm về lối sống dẫn đến đời sống vợ chồng không

thể kéo dài. Anh, chị cũng đã ly thân. Tại đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh N và chị M yêu cầu Tòa án công nhận anh, chị thuận tình ly hôn.

Sau khi Tòa án thụ lý việc hôn nhân và gia đình vào ngày 19 tháng 11 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ cho anh, chị nhưng kết quả đoàn tụ không thành vào ngày 27 tháng 11 năm 2024. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, anh N và chị M cũng không có thay đổi ý kiến gì khác. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. *Về con chung*: Anh N và chị M thống nhất, khi ly hôn giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2024 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh N và chị M khẳng định không có.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh N1 và chị M tự nguyện chịu.

[5]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý việc hôn nhân và gia đình và đã tiến hành hòa giải để nhằm hàn gắn, đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 27 tháng 11 năm 2024 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn diện vụ, việc.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh N và chị Lê Thị Trà M.
2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:
 - 2.1. Về con chung: Giao 01 con chung giữa anh N và chị M là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2024 cho chị Lê Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh N chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Ngọc Minh C do không có yêu cầu.

2.2. Anh Nguyễn Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Chị Lê Thị Trà M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Minh N tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Lê Thị Trà M tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N, chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003707 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Xem như anh, chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Tân Phước;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thạch Hải Âu